TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 1D/TĐTKT-VP | **Mã số thuế** | | | | | | | | | | | | | |

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI TRỤ SỞ CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP; CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP NƯỚC NGOÀI

Năm 2016

(Áp dụng cho trụ sở chính chỉ có hoạt động quản lý, điều hành của doanh nghiệp; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài thiết lập tại Việt Nam)

1. Tên doanh nghiệp/ Văn phòng đại diện: .....

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu):.....

2. Địa chỉ: ..... *CQ Thống kê ghi*

Tỉnh/TP trực thuộc TW:..... | | |

Huyện/quận(thị xã, TP thuộc tỉnh); ..... | | | |

Xã/phường/thị trấn: ..... | | | | | |

Thôn, ấp *(số nhà, đường phố)* : .....

Mã khu vực *Số máy*

Số điện thoại : | | | | | | | | | | | | | |

Số fax : | | | | | | | | | | | | | |

Email : .....

3. Thông tin về người đứng đầu cơ sở:

Họ và tên *(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)*:..... Năm sinh: | | | |

Giới tính: 1 Nam 2 Nữ *CQ Thống kê ghi*

Dân tộc *(Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là "Nước ngoài"):*..... | |

Quốc tịch *(Nếu có 2 quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất):*..... | |

Trình độ chuyên môn được đào tạo (Theo bằng/giấy chứng nhận trình độ cao nhất hiện có):

1 Chưa qua đào tạo	4 Trung cấp	7 Thạc sỹ
2 Đào tạo dưới 3 tháng	5 Cao đẳng	8 Tiến sỹ
3 Sơ cấp	6 Đại học	9 Trình độ khác

CQ Thống kê ghi

4. Ngành đăng ký SXKD chính: ..... | | | | | |

(VSIC 2007-Cấp 5)

5. Cơ sở thuộc loại hình hình tổ chức nào dưới đây?

1 Trụ sở chính, chỉ có hoạt động quản lý, điều hành hoạt động của Doanh nghiệp

2 Chi nhánh của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

3 Văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

6. Lao động năm 2016

6.1. Lao động có tại thời điểm 01/01/2016 ☐ *Người*

Trong đó: Nữ ☐ *Người*

6.2. Lao động có tại thời điểm 31/12/2016

Đơn vị tính: Người

Tên chỉ tiêu	Mã	Tổng số
A	**B**	**1**
Tổng số	**01**	
Trong đó: Nữ	02	
Phân theo trình độ chuyên môn được đào tạo:		
1. Chưa qua đào tạo	06	
2. Đào tạo dưới 3 tháng	07	
3. Sơ cấp	08	
4. Trung cấp	09	
5. Cao đẳng	10	
6. Đại học	11	
7. Thạc sỹ	12	
8. Tiến sỹ	13	
9. Trình độ khác	14	
Phân theo nhóm tuổi:		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	15	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	16	
3. Từ 46 đến 55 tuổi	17	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	18	
5. Trên 60 tuổi	19	

7. Các khoản chi liên quan đến người lao động và khấu hao TSCĐ trong năm 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên chỉ tiêu	Mã số	Tổng số
A	**B**	**1**
1. Các khoản chi liên quan đến người lao động	01	
1.1. Tổng số tiền phải trả cho người lao động	02	
1.2. Bảo hiểm xã hội trả thay lương	03	
1.3. Đóng góp BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của doanh nghiệp/cơ sở	04	
2. Khấu hao tài sản cố định trong năm	05	

Ngày ..... tháng ..... năm 2017

Người trả lời phiếu

- Họ và tên: .....
- Điện thoại: .....
- Ký tên: .....

Điều tra viên

- Họ và tên: .....
- Điện thoại: .....
- Ký tên: .....

Giám đốc Doanh nghiệp/
Trưởng văn phòng đại diện

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)